

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/06/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+BK6+PPD	7:25	22+0+0	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYẾN 1 PPD- BK6CHUYẾN 8 BK6-PPD
2		CL+BK8+BK6	7:25	22+0+0	0+0+0		18+1+0	0+0+0	CHUYẾN 3 BK8 BK6
3		MRM+CI	7:25	5+17	0+0		0+20	0+0	
4		AMD	9:25	22	0		22	0	
5		MRM+P2	9:25	21+1	0+0		1+6	0+0	
6		MRM+P4+AMD	9:25	14+0+8	0+0+0		0+8+12	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/Chuyến PPD chuyển người xong mới đón khách về



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/06/2020	TO: PPD - BK6 - PPD.	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - Linh - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TÙNG	PPD	97	1	5	60	64	KH-THAC	Vietnamese
2	LUU THE ANH	PPD	98-99	2	10		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC CHÂN	PPD	02	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN THĂNG	PPD	12	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN QUY	PPD	94-95	2	12		71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC DU	PPD	05	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD	90	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN HAI	PPD	03	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ MẠU MÊN	PPD	09	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐÌNH TIẾN	PPD	10	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NGỌC HAI	PPD	08	1	10		93	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH HAI	PPD	11	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ VIỆT ANH	PPD					85	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THANH QUANG	PPD	89	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	07	1	3		48	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ HIẾN THANH	PPD	91	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
17	TRƯƠNG TUẤN HÙNG	PPD	06	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN BA	PPD	04	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	92	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN PHONG	PPD	93	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN NHAN	PPD	01	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	96	1	8		88	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	23	109	1.591	60	0+1		CHUYỂN 1 PAX TỪ PPD SANG BK6
2	BK6	0	0	0	0	40	0+8		CHUYỂN 8 PAX TỪ BK6 SANG PPD.
3	PPD.	0	0	0	0	0	22		
TOTAL		22	23	109	1.591	100	22		
WEIGHT KG				109	1.591	100			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT:	TO: CLI - BK8 - BK6	CREW: Nam - XTrường - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

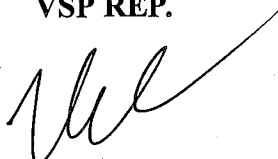
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHERNYSHEV	CLI	05	1	7		113	KH-THAC	Russian
2	DOKUCHAEV	CLI	06	1	4		105	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN HẰNG HAI	CLI	14	1	12		86	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI NGỌC THIẾT	CLI	09	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ANH VIỆT	CLI				80	80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC SƠN	CLI	07	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ MINH TIẾN	CLI	16	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	HUỲNH TRỌNG KIM	CLI	11	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC NGHỊ	CLI	02	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NAM KHANH	CLI	18	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔ QUỐC THỊNH	CLI	08	1	9		54	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THÀNH LONG	CLI	15	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG QUỐC VIỆT	CLI	20	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN TUỆ	CLI	12	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VĂN NHÂN	CLI	03	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU LAM	CLI	25	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	CLI	13	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
18	MAI PHÚC LINH	CLI	19	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN DŨ	CLI	01	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH VĂN HOANG	CLI	10	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI NGUYỄN QUANG	CLI	04	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT HOÀ	CLI	17	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

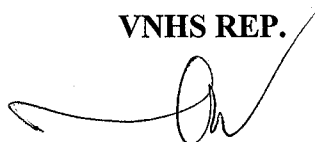
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	22	21	129	1.652	80	18		CHUYỂN 3 KHÁCH TỪ BK8 SANG BK6
2	BK8	0	0	0	0	20	1	3	
3	BK6	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	21	129	1.652	100	19		
WEIGHT KG				129	1.652	100			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

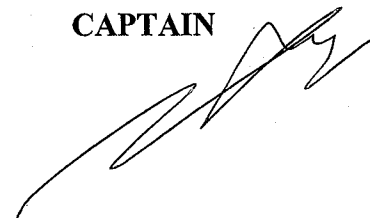
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: MRM - CLI	CREW: Hồi - MTHAO - Năm	ETA: 09:20
vang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHLYK VIKTOR	MRM	60-61	2	13		112	KHOAN	Russian
2	GOLUBEV	MRM	63	1	6		86	KHOAN	Russian
3	PETEL SERGEI	MRM	57	1	6		86	KHOAN	Russian
4	KULIK VIACHESLAV	MRM	58-59	2	15		68	KHOAN	Russian
5	GRIGOREV	MRM	62	1	10		62	KHOAN	Russian
6	ĐANG NHẬT MINH	CLI	64	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM TRỌNG TUÂN	CLI	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN THIÊN PHƯỚC	CLI	60	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN MINH ĐỨC	CLI	59	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN KHANH	CLI	62	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN TUYẾN	CLI	58	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN KHANH	CLI	57	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG MINH HAI	CLI	33	1	6	22	80	CODIEN	Vietnamese
14	HOÀNG MINH NGỌC	CLI	30	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
15	NGÔ HOÀNG ANH	CLI	31	1	10		56	CODIEN	Vietnamese
16	GASUKHA	CLI	56	1	10		92	ANTOAN	Russian
17	NGUYỄN VĂN SƠN	CLI	63	1	8		73	YTE	Vietnamese
18	LƯU QUY TRUNG	CLI	34	1	5		71	PSV	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN DŨ	CLI	66	1	6		66	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HOÀNG ANH	CLI	65	1	3		63	PSV	Vietnamese
21	BUI NGOC TAN	CLI	38	1	3		60	PSV	Vietnamese
22	TRẦN VĂN THUẬT	CLI	35	1	5		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	5	7	50	414	0	0		
2	CLI	17	17	99	1.191	22	20		
TOTAL		22	24	149	1.605	22	20		
WEIGHT KG				149	1.605	22			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/06/2020	TO: AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hạnh - Linh - Toan	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUONG THO	AMD	82-83	2	9	30	65	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN LE HONG VU	AMD	81	1	8		59	TLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN THE TRUYEN	AMD	84-85	2	10		77	TLJOC	Vietnamese
4	LANG MINH KHOA	AMD	88-89	2	19		55	TLJOC	Vietnamese
5	NGUYEN CAO KY LUAN	AMD	90-91	2	13		53	TLJOC	Vietnamese
6	PHAM VAN AN	AMD	65	1	8		69	HLJOC	Vietnamese
7	LE HUY HOANG	AMD	73-74	2	7		69	HLJOC	Vietnamese
8	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	66	1	7		65	VSP	Vietnamese
9	TRƯƠNG THE HIỀN	AMD	67	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO CÔNG BÌNH	AMD	86-87	2	20		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	60	1	2		71	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH PHÚC AM	AMD	69	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN LAM	AMD	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HÙNG	AMD	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HỒNG THAI	AMD	63-64	2	7		64	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	62	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	75	1	4		88	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	71-72	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯƠNG LÊ ANH DUNG	AMD	70	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN THỊN	AMD	68	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LUÔNG	AMD	76	1	13		69	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	AMD	77-78	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	31	194	1.540	30	22		
TOTAL		22	31	194	1.540	30	22		
WEIGHT KG				194	1.540	30			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT:	TO: MRM - P2 - RP1	CREW: Nam - XTrường - THỤ	ETA: 11:15
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN HUY CHUÔNG	MRM	86-87	2	16		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN THONG	MRM	97-98	2	16		67	KHOAN	Vietnamese
3	TONG VAN THE	MRM	90-91	2	16		73	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUY MINH	MRM	92-93	2	17		96	KHOAN	Vietnamese
5	LE THANH TU	MRM	84	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
6	LUONG NGOC HOANG	MRM	71	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
7	SUSTAVOV.V.S	MRM	73	1	8		108	KHOAN	Russian
8	POPOV	MRM	88-89	2	10		80	KHOAN	Russian
9	ZGONIK VADIM	MRM	76	1	5		80	KHOAN	Russian
10	DROZDOV ANDREI	MRM	78-79	2	8		82	KHOAN	Russian
11	POGIEV VADIM	MRM	77	1	6		82	KHOAN	Russian
12	GARIBIAN ARTUR	MRM	96	1	7		74	KHOAN	Russian
13	EROFEEV DANIIL	MRM	85	1	5		96	KHOAN	Russian
14	KIMAKOVSKII STANISLAV	MRM	80	1	5		89	KHOAN	Russian
15	KONDRATIUK KIRILL	MRM	83	1	12		72	KHOAN	Russian
16	PETRUNKO IVAN	MRM	72	1	8		103	KHOAN	Russian
17	MOLODYKH MIKHAIL	MRM	82	1	8		82	KHOAN	Russian
18	SALOMATIN SERGEI	MRM	81	1	14		91	KHOAN	Russian
19	SHEVCHENKO	MRM	74-75	2	7		82	KHOAN	Russian
20	ZIMIN VLADIMIR	MRM	94-95	2	15		66	KHOAN	Russian
21	NGUYEN CONG TRINH	P2	01	1	3	25	80	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	20	28	195	1.638	0	1		
2	P2	1	1	3	80	25	7		
3	RP1	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		21	29	198	1.718	25	11		
WEIGHT KG				198	1.718	25			

GRAND TOAL: 1.941 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT:	TO: MRM - P4 - AMD	CREW: Hồi - MTHAO - Năm	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	OGANIAN GRIGORII	MRM	15-16	2	14		75	KHOAN	Russian
2	FERAFONTOV EVGENY	MRM	12	1	4		99	KHOAN	Russian
3	GRITCENKO VLADIMIR	MRM	06-07	2	17		72	KHOAN	Russian
4	POLYAKOV D.	MRM	11	1	8		70	KHOAN	Russian
5	IVANOV N.	MRM	03	1	8		75	KHOAN	Russian
6	IAREMCHENKO TARAS	MRM	05	1	4		85	KHOAN	Russian
7	ISAKOV ALEKSEI	MRM	17	1	7		97	KHOAN	Russian
8	SUKHANOV E.	MRM	04	1	7		88	KHOAN	Russian
9	YAKUNIN DMITRY	MRM	13-14	2	14		90	KHOAN	Russian
10	KALABUKOV STANISLAV	MRM	08	1	10		97	KHOAN	Russian
11	SELIVANOV VLADISLAV	MRM	09-10	2	10		78	KHOAN	Russian
12	FILATOV SERGEY	MRM	01	1	8		105	KHOAN	Russian
13	NIKOLAENKO VADIM	MRM	02	1	10		102	KHOAN	Russian
14	DOANBUU TAM	MRM	18	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
15	VO TAN HOA	MRM	99,200	2	18		72	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HÙNG	AMD	04	1	10		67	PSV	Vietnamese
17	ĐINH CÔNG HOÀNG	AMD	98	1	5		60	PSV	Vietnamese
18	TRẦN CAO TĂNG	AMD	01	1	5		70	PSV	Vietnamese
19	LÊ VĂN THIÊN	AMD	02	1	7		80	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN CUÔNG	AMD	96	1	5		55	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	03	1	3		84	PSV	Vietnamese
22	PHẠM TUẤN THANH	AMD	97	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	15	20	149	1.275	0	0		
2	P4	0	0	0	0	0	8		
3	AMD	7	7	40	491	0	11		
TOTAL		22	27	189	1.766	0	19		
WEIGHT KG				189	1.766	0			

GRAND TOAL: 1.955 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/06/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+RP2	7:25	8+14	0+0		5+17	0+0	
2		CTC1+RP3	7:25	7+15	0+0		7+15	0+0	
3		TD5+PPD	7:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
4		P4+P5+TD5	7:25	17+0+5	0+0+0		13+2+6	0+0+0	
5		T.UNG	7:25	19	0		17	0	
6		MRM+PPD	9:25	9+13	0+0		3+15	0+0	
7		P9+PPD+TD3	9:25	6+11+5	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
8		RC6+RC3+RP2	9:25	8+8+6	0+0+0		6+7+9	0+0+0	
9		CTK3+RP2	9:25	6+16	0+0		5+17	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/hàng CD đi P4 lên chuyến 1 gửi



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 1	TO: TD3 - RP2	CREW: Cương - KHẢI - TDUNG	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KODZOIEV M.M	TD3	03	1	12		92	KHOAN	Russian
2	TRẦN VĂN THỌ	TD3	04	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
3	VÕ VĂN DUNG	TD3					90	KHOAN	Vietnamese
4	HOÀNG MINH TOÀN	TD3	02	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẠO TIẾN THIẾT	TD3	08	1	4	20	55	KHOAN	Vietnamese
6	KHUẤT QUANG KIẾN	TD3	06	1	5	50	65	KHOAN	Vietnamese
7	TRANG NGỌC HUNG	TD3	07	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC HOÀN*PK-PVD	TD3	05	1	8		87	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN BAN	RP2	34	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP2	35	1	11		68	YTE	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN BÁC	RP2	36	1	8	35	55	KH-THAC	Vietnamese
12	CAO MINH HOANG	RP2	40-41	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VĂN LY	RP2	32	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN KHÁC SANG	RP2	28	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH DUY	RP2	30	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC VINH	RP2	26	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT HUNG	RP2	29	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN NGUYỄN BAO MINH	RP2	31	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VŨ QUYỀN	RP2	37	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG ĐÌNH YẾN	RP2	33	1	3		48	KH-THAC	Vietnamese
21	HỒ ĐỨC LONG	RP2	27	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM BA HOANG	RP2	38-39	2	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	8	7	44	581	70	5		
2	RP2	14	16	89	943	35	17		
TOTAL		22	23	133	1.524	105	22		
WEIGHT KG				133	1.524	105			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: CTC1 - RP3	CREW: Khang - Duong - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC HAI	CTC1	54	1	10	60	65	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN NINH	CTC1	58	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN CÔNG HOÀNG	CTC1	57	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1	55-56	2	7		80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HUYỀN	CTC1	41	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO TUẤN ANH	CTC1	40	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH VĂN GIANG	CTC1	42	1	4		72	GETRACO	Vietnamese
8	ĐINH HOÀI ĐỨC	RP3	22	1	5	45	67	KHI	Vietnamese
9	TU NGỌC HAI	RP3	19-20	2	12		76	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3					65	KHI	Vietnamese
11	LÀNH TRUNG ĐÔNG	RP3	21	1	5		65	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RP3					88	KHI	Vietnamese
13	TRẦN VIỆT QUANG	RP3	23	1	4		75	KHI	Vietnamese
14	NGO THANH LÂM	RP3	18	1	4		70	KHI	Vietnamese
15	ĐƯƠNG HỒNG QUÂN	RP3	24	1	6		70	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HOÀNG	RP3	17	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM DUY DŨNG	RP3					78	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3					72	KHI	Vietnamese
19	PHAN SỸ DUYỆT	RP3	14	1	8		80	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH KHOAN	RP3	11-12	2	20		56	NIPI	Vietnamese
21	TRẦN VĂN HIỆU	RP3	13	1	7		76	NIPI	Vietnamese
22	HỒ NGỌC THANH	RP3	15-16	2	15		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	7	8	44	493	60	7		
2	RP3	15	14	91	1.079	45	15		
TOTAL		22	22	135	1.572	105	22		
WEIGHT KG				135	1.572	105			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/06/2020	TO: TD5 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ATUÁN - VThắng - NNam	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN HAI	TD5	45	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
2	TRỊNH DUY THANH	TD5	49	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN THÈ	TD5	16	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THIỀU	TD5	40	1	5	35	82	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐAM	TD5	34	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
6	MAI TRƯỞNG TRUNG	TD5	13	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	35	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ XUÂN ANH*PK-PVD	TD5	39	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
9	ĐÀO THANH SƠN	TD5	44	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH HIỀU	TD5	36	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM ĐÌNH LỎ	TD5	38	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC THẠCH	TD5	37	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
13	HOANG HỮU TRỌNG	TD5	48	1	5		78	CODIEN	Vietnamese
14	LƯU QUANG ĐẠT	TD5	41-43	3	17		70	CODIEN	Vietnamese
15	NÔNG MINH HAI	TD5	09-10	2	17		72	CODIEN	Vietnamese
16	LÊ VĂN DUNG	TD5	11-12	2	15		60	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD5	46-47	2	15		52	CODIEN	Vietnamese
18	ĐO DUY LỊCH	PPD	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM TÀI	PPD	17-18	2	10		75	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH VIỆN	PPD	21-22	2	12	70	75	KHI	Vietnamese
21	DINH THE QUAN	PPD	19	1	5		70	KHI	Vietnamese
22	BUI THANH HAI	PPD	20	1	5		60	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

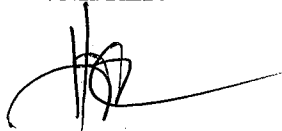
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	17	22	129	1.155	35	16		
2	PPD	5	7	37	350	70	6		
TOTAL		22	29	166	1.505	105	22		
WEIGHT KG				166	1.505	105			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	TO: P4 - P5 - TD5	CREW: HỒI - MTHAO - MQUÂN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI HUU LAN	P4	21	1	5	55	73	KHI	Vietnamese
2	LE VAN HUONG	P4	15	1	5		72	KHI	Vietnamese
3	TRAN DUY KHUONG	P4	20	1	3		88	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN DINH CU	P4	18-19	2	7		65	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN HUU LUAN	P4	29	1	6		70	KHI	Vietnamese
6	LE NGOC KY	P4	28	1	6		72	KHI	Vietnamese
7	ANSEROV V.	P4					80	KH-THAC	Russian
8	TRAN NAM TRUNG	P4	13	1	13	70	88	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN THANH CONG	P4	09	1	10		73	CODIEN	Vietnamese
10	DUONG HUU THUAN	P4	11-12	2	12		64	CODIEN	Vietnamese
11	HOANG HUY TIEN	P4	17	1	8		58	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN CHIEN CONG	P4	16	1	5		68	KHI	Vietnamese
13	DOAN VAN TRUC	P4	14	1	5		70	KHI	Vietnamese
14	HOANG THAI DUONG	P4					73	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN VAN SANG	P4	07-08	2	12		65	KHI	Vietnamese
16	VU ANH MINH	P4	26-27	2	16		75	T-TIN	Vietnamese
17	NGUYEN DINH TIEN	P4	25	1	5		67	PSV	Vietnamese
18	MAI XUAN TUONG	P4	10	1	5		66	CODIEN	Vietnamese
19	SUDAKOV	P4	99	1	8		110	KHI	Russian
20	NGUYEN BACH DUONG	P4	800	1	6		75	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN DAI NGHIA	TD5	40	1	11	20	50	CODIEN	Vietnamese
22	HO CHIEN THANG	TD5	39	1	8		60	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	22	137	1.472	125	13		
2	P5	0	0	0	0	0	2		
3	TD5	2	2	19	110	20	7		
TOTAL		22	24	156	1.582	145	22		
WEIGHT KG				156	1.582	145			

GRAND TOAL: 1.883 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:00
FLIGHT: 5	TO: T.UNG	CREW: HLONG - TRƯỜNG	ETA: 14:00
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ANH SON	T.UNG	78	1	6		59	D-HANH	Vietnamese
2	DO HIỆP PHU	T.UNG	80	1	5		50	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG HUY	T.UNG	13	1	12		60	D-HANH	Vietnamese
4	ZELENSKII ANDREI	T.UNG	76	1	7		80	KH-THAC	Russian
5	PHAM GIAP TRI	T.UNG	70-71	2	8		85	KH-THAC	Vietnamese
6	DUONG VAN THONG	T.UNG	75	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN MINH TAM	T.UNG	81	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
8	LE ANH TUAN	T.UNG	08	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
9	HO DINH HUY	T.UNG	82	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN VIET TUNG	T.UNG	69	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
11	VU HUNG TUAN	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
12	LE HONG QUANG	T.UNG	72	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
13	DO VAN CUONG	T.UNG					73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN DAN	T.UNG					68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN SON	T.UNG	77	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUY DU	T.UNG	73-74	2	5		91	KH-THAC	Vietnamese
17	DO THANH TUNG	T.UNG	79	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DINH TUAN	T.UNG	11-12	2	15		50	KH-THAC	Vietnamese
19	LAI MINH HOANG	T.UNG	09-10	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	20	102	1.313	0	17		
TOTAL		19	20	102	1.313	0	17		
WEIGHT KG				102	1.313	0			

GRAND TOAL: 1.415 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: MRM - PPD	CREW: Cương - KHẢI - TDUNG	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI MINH TUAN	MRM	04-05	2	15		67	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN DUY BINH	MRM	08-09	2	20		76	KHOAN	Vietnamese
3	TÀ THAI DUONG	MRM	06-07	2	15		53	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC HUNG	MRM	01	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN LONG NHẬT	MRM	02-03	2	15		50	KHOAN	Vietnamese
6	NGO THANH SON	MRM	11	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
7	CHU DINH THANH	MRM	12	1	7		52	KHOAN	Vietnamese
8	LA QUY DANH	MRM	10	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THU	MRM	13	1	12		68	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN VĂN TÙNG	PPD	46	1	9		75	KHI	Vietnamese
11	TRAN MAU SON	PPD	58	1	10		72	PSV	Vietnamese
12	TRẦN VĂN DŨNG	PPD					65	KHI	Vietnamese
13	VÔ TÀ QUANG	PPD	50	1	5		70	KHI	Vietnamese
14	DUONG TRUONG LAM	PPD	42	1	5	32	65	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	57	1	5	30	62	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	54	1	5		67	KHI	Vietnamese
17	LÊ MINH PHỤNG	PPD	48	1	5		74	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	49	1	4		74	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN VINH	PPD	47	1	3		80	KHI	Vietnamese
20	PHẠM HỒNG THAI	PPD	43	1	5		65	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	45	1	4		60	KHI	Vietnamese
22	ĐOÀN DUY HUNG	PPD	44	1	5		90	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	9	13	106	572	0	3		
2	PPD	13	12	65	919	62	16		
TOTAL		22	25	171	1.491	62	19		
WEIGHT KG				171	1.491	62			

GRAND TOAL: 1.724 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/06/2020	TO: P9 - PPD - TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: ATUẤN - VThắng - NNam	ETA: 11:10
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TUẤN ANH	P9	33-34	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN HAI SƠN	P9	60	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN MẠNH CUÔNG	P9	57-58	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN ĐẠT	P9	59	1	12	50	60	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐO MẠNH HÙNG	P9	13	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN ĐÌNH PHƯƠNG	P9	55-56	2	10		85	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN XUÂN HUYNH	PPD	33	1	5		50	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	26	1	5		75	KHI	Vietnamese
9	LY XUÂN TRUNG	PPD	31-32	2	17		65	YTE	Vietnamese
10	ĐOAN MẠNH TOÀN	PPD					85	KHI	Vietnamese
11	TRẦN SƠN HAI	PPD	27	1	5		75	KHI	Vietnamese
12	TRẦN HOANG CHUÔNG	PPD	28	1	5		64	KHI	Vietnamese
13	HUYNH NAM LONG	PPD	58	1	5		70	KHI	Vietnamese
14	KHÔNG TIỀN DŨNG	PPD	34	1	3		75	KHI	Vietnamese
15	DANG PHUOC THANG	PPD	35	1	5		72	KHI	Vietnamese
16	HOANG VAN CONG	PPD	29	1	5		55	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN DANG HUY	PPD	36	1	5		80	KHI	Vietnamese
18	LÊ MẠNH THẮNG	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
19	NGO VAN CHUNG	TD3	17	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
20	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	13	1	5	73	80	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM HỒNG QUY	TD3	01	1	10		60	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN HANH	TD3	14	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	6	9	71	414	50	0		
2	PPD	11	11	60	766	0	6		
3	TD3	5	4	25	357	73	16		
TOTAL		22	24	156	1.537	123	22		
WEIGHT KG				156	1.537	123			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 8	TO: RC6 - RC3 - RP2	CREW: Khang - Duong - Năm	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN DUNG	RC6	48-49	2	16	20	65	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG VAN LAM	RC6	59-60	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN HUNG LONG	RC6	50-51	2	16		56	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM VAN DAO	RC6	52	1	16		66	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN CONG DINH	RC6	55-56	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN KHA	RC6	57-58	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
7	LE XUAN TUNG	RC6	53-54	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VAN CHU	RC6	20-21	2	14		60	XAYLAP	Vietnamese
9	DO NGUYEN HONG THANH	RC3	56	1	7	40	81	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TAN HONG	RC3	02	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LE CONG AN	RC3	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	VO TUAN ANH	RC3	03	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VIET HUNG	RC3	04	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
14	LUONG ANH VU	RC3	05	1	10		66	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN DUC MINH	RC3	06-07	2	20		63	CODIEN	Vietnamese
16	LE VAN QUYEN	RC3	08	1	4		51	GETRACO	Vietnamese
17	DINH VAN QUAN	RP2	65	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN THANH	RP2	67	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TANG VAN DUC	RP2	64	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
20	DANG XUAN KHOA	RP2					67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN DAT	RP2	68	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN THANH TUAN	RP2	66	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	8	15	137	542	20	6		
2	RC3	8	9	65	547	40	7		
3	RP2	6	5	23	393	0	9		
TOTAL		22	29	225	1.482	60	22		
WEIGHT KG				225	1.482	60			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/06/2020	TO: CTK3 - RP2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Hôi - MTHAO - MQUÂN	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRI TIN	CTK3	71	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
2	HOANG THANH HOA	CTK3	77-78	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN KHAC THANG	CTK3	72	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐANG THE ANH	CTK3	73	1	9		63	NIPI	Vietnamese
5	NGUYEEN ANH KHOA	CTK3	76	1	10	60	63	NIPI	Vietnamese
6	LE TRONG NHAN	CTK3	74-75	2	10	40	73	NIPI	Vietnamese
7	PHAM QUANG LOI	RP2	17	1	7	40	78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	18	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
9	VU DUY QUYEN	RP2	25	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HAI SANG	RP2	16	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN QUOC KHANH	RP2					80	KH-THAC	Vietnamese
12	LE CHI CUONG	RP2	26	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TA VAN VIET	RP2	24	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HONG QUANG	RP2	30	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH VAN THANH	RP2	14-15	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
16	LE VAN LOI	RP2	27	1	4		54	T-TIN	Vietnamese
17	NGUYEN HUE	RP2	28-29	2	15		57	T-TIN	Vietnamese
18	LE VAN TAI	RP2	21	1	5		78	GETRACO	Vietnamese
19	TRINH VAN KIEM	RP2	20	1	4		54	GETRACO	Vietnamese
20	VU HOANG QUAN	RP2	19	1	4		58	GETRACO	Vietnamese
21	CAO DUY LUNG	RP2	22	1	5		56	GETRACO	Vietnamese
22	ĐONG VAN CUONG	RP2	23	1	8		60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	6	8	49	399	100	5		
2	RP2	16	17	90	1.031	40	17		
TOTAL		22	25	139	1.430	140	22		
WEIGHT KG				139	1.430	140			

GRAND TOAL: 1.709 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN